

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/ 2019/ HSST

Ngày 28/ 3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Liên; Ông Nguyễn Văn Hoàng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2019/HSST ngày 04 tháng 3 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trung T, sinh năm 1965; tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Phố Đ (nay là tổ dân phố X), thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); vợ: Phạm Thị L; con: có 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 30/01/2016, bị Công an huyện D xử phạt hành chính, bằng hình thức: Phạt tiền 1.500.000đ về hành vi "Đánh bạc". Chấp hành xong ngày 01/02/2016; Bị tạm giữ từ ngày 26/12/2018 đến ngày 03/01/2019 được chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; có mặt.

2. Trần Văn N, sinh năm 1960; tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Như B và bà Trần Thị Ô; vợ: Vũ Thị C; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 26/12/2018 đến ngày 03/01/2019 được chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; có mặt.

3. Trần Thành N, sinh năm 1974; tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (chết) và bà Lê Thị N; vợ: Lê Thị Hồng M; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 30/01/2016, bị Công an huyện D xử phạt hành chính, bằng hình thức: Phạt tiền 1.500.000đ về hành vi "Đánh bạc". Chấp hành xong ngày 01/02/2016; Bị

tạm giữ từ ngày 26/12/2018 đến ngày 03/01/2019 được chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; có mặt.

4. Trương Văn T, sinh năm 1967; tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Phố P (nay là tổ dân phố X1), thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đình D và bà Bùi Thị V (đã chết); vợ: Chu Thị Bích C; con: có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 30/01/2016, bị Công an huyện D xử phạt hành chính, bằng hình thức: Phạt tiền 1.500.000đ về hành vi "Đánh bạc". Chấp hành xong ngày 01/02/2016; Bị tạm giữ từ ngày 26/12/2018 đến ngày 03/01/2019 được chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; có mặt.

5. Trần Quốc V, sinh năm 1975; tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T và bà Đỗ Thị N; vợ: Nguyễn Thị T; con: có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 26/12/2018 đến ngày 03/01/2019 được chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1977; địa chỉ: phố T (nay là tổ dân phố X2), thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam, vắng mặt;

* *Người chứng kiến:* Ông Lê Văn Q, sinh năm 1951; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h00' ngày 25/12/2018, Nguyễn Trung T dùng điện thoại di động gọi điện rủ Trần Văn N, Trương Văn T, Trần Thành N, Trần Quốc V đến Công ty cổ phần đường ống P - Khu công nghiệp H thuộc địa phận thôn V, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam để đánh bạc (hiện công ty đang trong thời gian không hoạt động, không có người quản lý). Sau đó, T điều khiển xe mô tô BKS 90B1 - 690.46 đến Công ty cổ phần đường ống P trước, một lúc sau N điều khiển xe mô tô BKS 90H8 - 8795 đến. Tại đây, N tiếp tục gọi điện cho T rủ đến đây để đánh bạc. Đến khoảng 21h cùng ngày, lần lượt T điều khiển xe mô tô BKS 90D1 - 075.52, V điều khiển xe mô tô BKS 90B2 - 459.09, N điều khiển xe mô tô BKS 90H1 - 3897 đến rồi cả nhóm vào phòng Giám đốc (đang bỏ hoang) để đánh bạc. Sau đó T, N, T, V, N ngồi quây tròn trên chiếc chiếu nhựa đã trải sẵn trên nền phòng, thứ tự từ phải sang trái (theo chiều kim đồng hồ) lần lượt là: T, N, T, V, N và sử dụng một bộ bài tú lơ khơ 52 quân (đã cũ) có sẵn ở trong phòng, thống nhất đánh bạc dưới hình thức chơi Liêng với mức trống cửa là 20.000đ, tổ tối đa mỗi lần không quá 50.000đ.

Theo quy ước của T, N, T, V, N khi đánh Liêng là: Người cầm chương dùng 52 quân bài chia lần lượt cho những người chơi, mỗi người 03 quân. Mỗi ván bài người chơi đều phải đặt số tiền trống cửa. Người cầm chương là người

đánh đầu tiên, số tiền đánh không được quá 50.000đ, tiếp đến là người kế tiếp bên phải (ngược chiều kim đồng hồ), người đánh kế tiếp có quyền theo (đánh bằng số tiền người trước đã đánh) hoặc tố thêm (tăng số tiền đánh). Nếu người tố thêm mà không có người theo thì người tố thêm chính là người thắng ván bài đó. Nếu có người theo (cân) thì sẽ lật bài so với nhau, người nào có bài to nhất là người thắng ván đó. Người thắng sẽ được toàn bộ tiền của mình và của những người còn lại đã đánh ván bài đó và cầm chương chia bài ở ván tiếp theo. Về quy định bài cao, thấp như sau: Bài cao nhất là Sáp, thứ hai đến Liêng, thứ ba đến Đĩ (ảnh), cuối cùng đến tính điểm. Chặt to nhất là chặt Rô, đến chặt Cơ, chặt Tép và cuối cùng là chặt Bích.

Có 03 quân bài cùng loại gọi là “Sáp”. Trong sáp thì sáp to nhất là sáp AAA và sáp nhỏ nhất là sáp 222. Người nào có bài Sáp thì được thêm của những người chơi còn lại số tiền 50.000đ;

Có 03 quân bài liền kề nhau thì gọi là “Liêng”. Trong đó, liêng to nhất là QKA và liêng nhỏ nhất là A23. Trường hợp có Liêng giống nhau thì so sánh thứ tự quân bài và chặt. Người nào có bài Liêng đồng hoa (cùng chặt) thì được thêm của những người chơi còn lại số tiền 30.000đ/ 01 người;

Có 03 quân bài chỉ có các quân K, Q, J thì gọi là “Đĩ” (ảnh). Trong đó dĩ to nhất là KKQ và dĩ nhỏ nhất là JJQ. Trường hợp có bài Đĩ (ảnh) giống nhau thì so sánh thứ tự quân bài và chặt.

Cuối cùng là tính điểm: Khi không thuộc các trường hợp “Sáp”, “Liêng” hoặc “Đĩ” thì những người chơi tiến hành đo điểm bằng cách cộng tổng điểm 03 quân bài của mình lại, sau đó chia 10 để ra số điểm của mình. Điểm to nhất trong đánh liêng là 9 điểm, điểm nhỏ nhất là 0 điểm. Các quân K, Q, J, 10 là 0 điểm, riêng A tính là 1 điểm, còn lại tính đúng bằng thứ tự các quân bài. Trong ván chơi có bài bằng nhau thì người chơi căn cứ vào các chặt là rô - cơ - tép - bích để xác định ai thắng, ai thua trong ván chơi đó.

Đến 23h00' ngày 25/12/2018, khi Nguyễn Trung T, Trần Văn N, Trần Quốc V, Trương Văn T và Trần Thành N đang đánh bạc với nhau thì bị Tổ công tác của Công an huyện D bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng có liên quan.

Vật chứng thu giữ gồm: *Thu trên chiếu, vị trí các đối tượng đánh bạc:* Tổng số tiền 7.760.000đ; 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu nhựa đã qua sử dụng.

Thu trên người các bị can: Trần Thành N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu đen, bên trong có 02 sim số 0988356479; 0818704874 và số tiền 2.500.000đ; Trần Quốc V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen, bên trong có 01 sim số 0856956806; Trần Văn N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 108 vỏ màu đen, bên trong có 02 sim số 0363246229 và 0396107921; Nguyễn Trung T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu đen bạc, bên trong có 01 sim số 0912824352; *Thu trên sân trong công ty trước cửa phòng giám đốc, nơi các đối tượng ngồi đánh bạc gồm:* 01 xe mô tô nhãn hiệu Future 125 màu đen bạc BKS 90B1 - 690.46 của Nguyễn Trung T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Nouvo màu đỏ - đen BKS 90H8 - 8795 của Trần Văn N; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng BKS 90B2 - 459.09 của Trần Quốc V; 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đỏ - đen BKS 90D1 - 075.52 của Trương Văn T;

01 xe mô tô nhãn hiệu Future Neo màu đen bạc BKS 90H1 - 3897 của Trần Thành N;

Quá trình điều tra chứng minh: Nguyễn Trung T mang theo số tiền 4.560.000đ, đã sử dụng 2.560.000đ để đánh bạc, còn lại T cho Trần Văn N vay 2.000.000đ để đánh bạc (T không tính lãi), khi bị bắt quả tang T đang thắng bạc được số tiền khoảng 350.000đ; Trần Văn N mang theo số tiền 800.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, quá trình đánh bạc N bị thua hết số tiền này nên vay của T 2.000.000đ để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang N bị thua bạc số tiền khoảng 1.800.000đ; Trần Quốc V mang theo số tiền 1.000.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang V đang thắng bạc được số tiền khoảng 300.000đ; Trương Văn T mang theo số tiền 1.000.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang T đang thắng bạc được số tiền khoảng 1.400.000đ; Trần Thành N mang theo số tiền 2.900.000đ và chỉ sử dụng 400.000 để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang N bị thua bạc số tiền khoảng 150.000đ.

Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 04/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 17; 58; 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo xử phạt Nguyễn Trung T từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Trần Thành N, Trương Văn T mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Trần Văn N, Trần Quốc V mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu nhựa; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 di động Samsung J7 màu đen, bên trong có 02 sim số 0988.356.479, 0818704874; 01 di động ITEL màu đen, bên trong có 01 sim số 0856956806; 01 di động Nokia 108 vỏ màu đen, bên trong có 02 sim số 0363246229 và 0396107921; 01 di động Iphone 5 màu đen bạc; số tiền 7.760.000đ. Trả lại bị cáo Trần Thành N số tiền 2.500.000đ và tuyên án phí đối với các bị cáo.

Trong phần tranh luận và nói lời sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, của Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ khoảng 21h đến 23h ngày 25/12/2018, tại Công ty cổ phần đường ống P - Khu công nghiệp H thuộc địa phận thôn V, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam (hiện công ty đang trong thời gian không hoạt động, không có người quản lý), Nguyễn Trung T, Trần Văn N, Trần Quốc V, Trương Văn T và Trần Thành N đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi Liêng đến khoảng 23h thì bị Tổ công tác của Công an huyện D bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật có liên quan. Tổng số tiền chứng minh các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là 7.760.000đ.

Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Nguyễn Trung T, Trần Thành N, Trương Văn T có nhân thân xấu, các bị cáo Trần Văn N, Trần Quốc V có nhân thân tốt; các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo Trần Thành N, Nguyễn Trung T, Trần Văn N có hoàn cảnh khó khăn được địa phương xác nhận; bị cáo Trương Văn T có người thân có công với cách mạng; Trần Quốc V là trụ cột trong gia đình đang phải nuôi bố mẹ già nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Nguyễn Trung T là người khởi xướng, gọi điện rủ các bị cáo khác tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ nhất; các bị cáo Trần Văn N, Trần Thành N, Trương Văn T, Trần Quốc V giữ vai trò đồng phạm.

Từ nhận định trên, xét thấy các bị cáo Trần Văn N, Trần Quốc V có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng vì vậy không cần phải cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình và xã hội. Đối với Nguyễn Trung T, Trần Thành N, Trương Văn T đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng các bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 01/2/2016, nay xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo lại được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ vì vậy xét cũng không cần phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương thể hiện sự khoan hồng của pháp luật giúp cho các bị cáo có điều kiện cải sửa mình là phù hợp với điều 65 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo Trần Thành N, Nguyễn Trung T, Trần Văn N có hoàn cảnh khó khăn; các bị cáo Trương Văn T, Trần Quốc V là trụ cột

trong gia đình đang phải nuôi bố mẹ già nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp thực tế.

[6] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho: Nguyễn Trung T xe mô tô Future 125 BKS 90B1 - 690.46; Trần Văn N xe mô tô Nouvo BKS 90H8 - 8795; Trần Quốc V 01 xe mô tô Wave BKS 90B2 - 459.09; Trương Văn T 01 xe mô tô Airblade BKS 90D1 - 075.52; Trần Thành N 01 xe mô tô Future Neo BKS 90H1 - 3897 là đúng.

Đối với số tiền 7.760.000đ thu trên chiếu bạc; 01 di động Samsung J7 màu đen, bên trong có 02 sim số 0988.356.479, 0818704874 thu của Trần Thành N; 01 di động Itel màu đen, bên trong có 01 sim số 0856956806 thu của Trần Quốc V; 01 di động Nokia 108 vỏ màu đen, bên trong có 02 sim số 0363246229 và 0396107921 thu của Trần Văn N; 01 di động Iphone 5 màu đen bạc, bên trong có 01 sim số 0912824352 thu của Nguyễn Trung T là phương tiện để các bị cáo thực hiện tội phạm cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu nhựa là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy;

Đối với số tiền 2.500.000đ thu của Trần Thành N chứng minh không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo;

Đối với chiếc điện thoại di động của Trương Văn T dùng để liên lạc rủ nhau đánh bạc. T khai trong quá trình bị bắt quả tang T vứt đi luôn và không tìm thấy được nên Cơ quan CSĐT Công an huyện D không thu giữ được chiếc điện thoại của Tuấn để xử lý.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung T, Trần Văn N, Trần Thành N, Trương Văn T và Trần Quốc V phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt :

+ Nguyễn Trung T 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/3/2019).

+ Trần Thành N 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/3/2019).

+ Trương Văn T 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/3/2019).

+ Trần Văn N 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/3/2019).

+ Trần Quốc V 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/3/2019).

Giao các bị cáo Trần Văn N, Trần Thành N, Trần Quốc V cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao các bị cáo Nguyễn Trung T, Trương Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu nhựa;
- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 di động Samsung J7 màu đen, bên trong có 02 sim; 01 di động Itel màu đen, bên trong có 01 sim; 01 di động Nokia 108 vỏ màu đen, bên trong có 02 sim; 01 di động Iphone 5 màu đen bạc; số tiền 7.760.000đ (Bảy triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).
- Trả lại bị cáo Trần Thành N số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

(Toàn bộ đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận giữa Cơ quan điều tra Công an huyện D với Chi cục Thi hành án dân sự huyện D ngày 06/3/2019 (Riêng số tiền đã chuyển qua tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 06/3/2019).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội các bị cáo Nguyễn Trung T, Trần Văn N, Trần Thành N, Trương Văn T và Trần Quốc V mỗi bị cáo phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Công an huyện Duy Tiên;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Thuận